

Số: /2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2013

Dự thảo ngày 16/1

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện việc gia hạn, giảm một số khoản thu Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai số 13/2003/QH 11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu.

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện việc gia hạn, giảm một số khoản thu Ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu như sau:

Chương I

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Điều 1. Gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I và 03 tháng thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý II và quý III năm 2013 cho các đối tượng sau:

a) Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, bao gồm cả hợp tác xã (sử dụng dưới 200 lao động làm việc toàn bộ thời gian và có doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng) (sau đây gọi chung là doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ).

b) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (sử dụng trên 300 lao động) trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội (sau đây gọi chung là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động).

c) Doanh nghiệp đầu tư – kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở.

2. Doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ được gia hạn nộp thuế quy định tại điểm a khoản 1 Điều này là doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về lao động và doanh thu, được xác định như sau:

a) Cách xác định tiêu chí về lao động:

Số lao động bình quân năm (bao gồm cả số lao động làm việc toàn bộ thời gian của chi nhánh ***hạch toán phụ thuộc*** và đơn vị trực thuộc) làm căn cứ xác định doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ là tổng số lao động mà doanh nghiệp sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2012 dưới 200 lao động, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng

Số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2009/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cách tính số lao động sử dụng thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01/01/2013 thì tổng số lao động, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là số lao động sử dụng thường xuyên bình quân tính từ ngày thành lập đến thời điểm 31/3/2013 (nếu thành lập trong quý I năm 2013), đến thời điểm 30/06/2013 (nếu thành lập trong quý II năm 2013), đến thời điểm 30/09/2013 (nếu thành lập trong quý III năm 2013) dưới 200 lao động.

b) Cách xác định tiêu chí về doanh thu:

Doanh nghiệp có doanh thu tính thuế TNDN năm 2012 không quá 20 tỷ đồng được xác định căn cứ vào chỉ tiêu "doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ" [01] trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ tính thuế năm 2012 (kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN số 03/TNDN của năm 2012) – Mẫu số 03-1A/TNDN (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính).

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập năm 2013 thì doanh thu được xác định căn cứ vào chỉ tiêu "doanh thu phát sinh trong kỳ" [21] trên Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (Dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh) – Mẫu số 01A/TNDN (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính). Nếu doanh nghiệp thành lập trong quý I năm 2013 thì doanh thu được xác định trên tờ khai quý I năm 2013 không quá 5

tỷ đồng, thành lập trong quý II năm 2013 thì doanh thu được xác định trên tờ khai quý II năm 2013 không quá 5 tỷ đồng, thành lập trong quý III năm 2013 thì doanh thu được xác định trên tờ khai quý III năm 2013 không quá 5 tỷ đồng,

c) Trường hợp doanh nghiệp là các công ty tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con mà công ty mẹ không phải là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa nắm giữ trên 50% vốn chủ sở hữu của công ty con, nếu công ty con đáp ứng tiêu chí về lao động (sử dụng dưới 200 lao động làm việc toàn bộ thời gian) và có doanh thu năm 2012 không quá 20 tỷ đồng và không kinh doanh trong các lĩnh vực không được gia hạn nộp thuế thì cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

d) Không áp dụng gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này đối với các đối tượng sau đây:

- Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: Tài chính; ngân hàng; bảo hiểm; chứng khoán; xổ số; trò chơi có thưởng; kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa có hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều lĩnh vực thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế không bao gồm số thuế tính trên phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh tài chính; ngân hàng; bảo hiểm; chứng khoán; xổ số; trò chơi có thưởng; kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Tổ chức kinh tế là đơn vị sự nghiệp.

3. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (bao gồm cả số lao động của chi nhánh và đơn vị trực thuộc) trong các lĩnh vực được gia hạn nộp thuế hướng dẫn tại điểm b Khoản 1 Điều này gồm:

a) Doanh nghiệp có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm 2012 trên 300 người, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng đối với doanh nghiệp thành lập trước ngày 01/01/2013.

Số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2009/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cách tính số lao động sử dụng thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01/01/2013 thì tổng số lao động, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là số lao động sử dụng thường xuyên bình quân tính từ ngày thành lập đến thời điểm 31/3/2013 (nếu thành lập trong quý I năm 2013), đến thời điểm 30/06/2013 (nếu thành lập trong quý II năm 2013), đến thời điểm 30/09/2013 (nếu thành lập trong quý III năm 2013) trên 300 lao động.

Trường hợp doanh nghiệp tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì số lao động làm căn cứ xác định công ty mẹ thuộc đối tượng giảm thuế không bao gồm số lao động của công ty con và ngược lại.

b) Số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế là số thuế tính trên thu nhập của hoạt động sản xuất, gia công, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử và từ hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

c) Hoạt động sản xuất, gia công, chế biến: Nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày (bao gồm cả giày da, dép da các loại), linh kiện điện tử được xác định căn cứ theo quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Hoạt động xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội bao gồm thi công, xây dựng, lắp đặt: Nhà máy nước, nhà máy điện, công trình truyền tải, phân phối điện; hệ thống cấp thoát nước; đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga, bến xe; xây dựng trường học, bệnh viện, nhà văn hoá, rạp chiếu phim, cơ sở biểu diễn nghệ thuật, cơ sở luyện tập, thi đấu thể thao; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình thông tin liên lạc, công trình thủy lợi phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp.

4. Doanh nghiệp đầu tư – kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở được gia hạn nộp thuế đối với **số thuế tính trên thu nhập** từ hoạt động đầu tư – kinh doanh nhà ở, không phân biệt quy mô doanh nghiệp và số lao động sử dụng.

Điều 2. Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn

1. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I, quý II và quý III năm 2013 của doanh nghiệp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế là số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý I, quý II và quý III năm 2013.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn tại khoản này không bao gồm số thuế tính trên phần thu nhập từ các hoạt động kinh doanh tài chính; ngân hàng; bảo hiểm; chứng khoán; xổ số; trò chơi có thưởng; kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế được xác định theo kết quả hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp hạch toán riêng được thu nhập từ hoạt động kinh doanh được gia hạn nộp thuế.

3. Trường hợp doanh nghiệp vừa có thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được gia hạn nộp thuế vừa có thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh không được gia hạn nộp thuế thì phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh được gia hạn nộp thuế và hoạt động kinh doanh không được gia hạn nộp thuế để kê khai nộp thuế riêng. Trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính quý I, quý II, quý III của các hoạt động sản xuất, kinh doanh được gia hạn xác định theo tỷ lệ giữa tổng doanh thu của các hoạt động sản xuất, kinh doanh được gia hạn với tổng doanh thu thực hiện của doanh nghiệp.

Điều 3. Thời gian gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp thực hiện kê khai số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp hàng quý năm 2013 theo quy định của Luật Quản lý thuế. Thời gian gia hạn nộp thuế là 06 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số

thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I và 03 tháng thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý II và quý III năm 2013 theo quy định của Luật Quản lý thuế như sau:

1. Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý I năm 2013 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 10 năm 2013.

2. Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý II năm 2013 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 30 tháng 10 năm 2013.

3. Thời gian gia hạn nộp thuế đối với số thuế tính tạm nộp của quý III năm 2013 được gia hạn nộp thuế chậm nhất đến ngày 31 tháng 1 năm 2014.

4. Trường hợp ngày nộp thuế quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này là các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì thời gian gia hạn nộp thuế được tính vào ngày làm việc tiếp theo.

Điều 4. Điều kiện, trình tự và thủ tục gia hạn nộp thuế

1. Doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai.

2. Doanh nghiệp thuộc đối tượng được gia hạn theo quy định tại Điều 1 phải lập Phụ lục số 1 (ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp kèm theo tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý được gia hạn, trong đó xác định rõ: Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và số thuế thu nhập doanh nghiệp được gia hạn nộp thuế.

3. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, doanh nghiệp không bị coi là vi phạm chậm nộp thuế và không bị phạt hành chính về hành vi chậm nộp tiền thuế đối với số thuế được gia hạn.

Chương II

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Điều 5. Gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng

1. Gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với số thuế GTGT phải nộp của tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2013 (không bao gồm thuế GTGT ở khâu nhập khẩu) đối với các doanh nghiệp đang thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuộc các đối tượng sau đây:

a) Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, bao gồm cả hợp tác xã (sử dụng dưới 200 lao động làm việc toàn bộ thời gian và có doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng), không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: tài chính,

ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, xổ số, trò chơi có thưởng, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (sau đây gọi chung là doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ).

b) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (sử dụng trên 300 lao động) trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội (sau đây gọi chung là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động).

c) Doanh nghiệp đầu tư – kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở và doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng: sắt, thép, xi măng, gạch, ngói.

2. Doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này là doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về lao động và doanh thu được xác định như sau:

a) Cách xác định tiêu chí về lao động:

Số lao động bình quân năm làm căn cứ xác định doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ là số lao động mà doanh nghiệp sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2012, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng.

Số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 40/2009/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn cách tính số lao động sử dụng thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01/01/2013 thì tổng số lao động, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng, được tính từ ngày thành lập đến thời điểm 31/1/2013 (nếu thành lập trong tháng 1 năm 2013), đến thời điểm 28/2/2013 (nếu thành lập trước tháng 2/2013), đến thời điểm 31/3/2013 (nếu thành lập trước tháng 3/2013).

b) Cách xác định tiêu chí về doanh thu:

Doanh nghiệp có doanh thu năm 2012 không quá 20 tỷ đồng được xác định căn cứ vào tổng cộng chỉ tiêu [34] tại Tờ khai thuế GTGT hàng tháng từ tháng 1 đến hết tháng 12 năm 2012.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh không đủ mới 12 tháng của năm 2012 thì doanh thu năm được xác định căn cứ vào tổng cộng chỉ tiêu [34] tại Tờ khai thuế GTGT của các tháng hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ ở địa phương cấp tỉnh khác nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính (không bao gồm đơn vị có hoạt động xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh khai thuế GTGT tạm tính theo tỷ lệ 1%, 2%) thực hiện khai thuế GTGT riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp

thuế GTGT nếu chi nhánh, đơn vị trực thuộc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về lao động và doanh thu hướng dẫn tại điểm a và điểm b khoản này.

d) Không áp dụng gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế GTGT đối với các đối tượng sau đây:

d.1) Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, xổ số, trò chơi có thưởng, sản xuất hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

d.2) Tổ chức kinh tế là đơn vị sự nghiệp.

3. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (sử dụng trên 300 lao động) (bao gồm cả số lao động của chi nhánh và đơn vị trực thuộc) trong các lĩnh vực được gia hạn nộp thuế GTGT hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều này gồm:

a) Doanh nghiệp có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm 2012 trên 300 người, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng đối với doanh nghiệp thành lập trước ngày 01/01/2013.

Đối với doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01/01/2013 thì tổng số lao động, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng, được tính từ ngày thành lập đến thời điểm 31/1/2013 (nếu thành lập trong tháng 1 năm 2013), đến thời điểm 28/2/2013 (nếu thành lập trước tháng 2/2013), đến thời điểm 31/3/2013 (nếu thành lập trước tháng 3/2013).

Hoạt động sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này được xác định căn cứ theo quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này bao gồm thi công, xây dựng, lắp đặt: nhà máy nước, nhà máy điện, công trình truyền tải, phân phối điện; hệ thống cấp thoát nước; đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga, bến xe; xây dựng trường học, bệnh viện, nhà văn hoá, rạp chiếu phim, cơ sở biểu diễn nghệ thuật, cơ sở tập luyện, thi đấu thể thao; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình thông tin liên lạc, công trình thủy lợi phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp.

b) Trường hợp doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực không được gia hạn thì số thuế GTGT được gia hạn xác định như sau:

$$\text{Thuế GTGT được gia hạn của tháng} = \text{Số thuế GTGT phải nộp theo Tờ khai của tháng được gia hạn} \times \frac{\text{Doanh thu chịu thuế GTGT của lĩnh vực được gia hạn trong tháng}}{\text{Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT trong tháng}}$$

c) Chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong các lĩnh vực được gia hạn nộp thuế GTGT ở địa phương cấp tỉnh khác nơi

doanh nghiệp đóng trụ sở chính (không bao gồm đơn vị có hoạt động xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoài tỉnh khai thuế GTGT tạm tính theo tỷ lệ 1%, 2%) thực hiện khai thuế GTGT riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT nếu chi nhánh, đơn vị trực thuộc có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực được gia hạn.

Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp không có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực được gia hạn thì không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT.

Doanh nghiệp lập danh sách chi nhánh, đơn vị trực thuộc (trong đó ghi rõ tên, địa chỉ, mã số thuế, số lao động và lĩnh vực hoạt động của từng chi nhánh) và thông báo danh sách cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh, đơn vị trực thuộc. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của danh sách Chi nhánh, đơn vị trực thuộc đã gửi cơ quan thuế.

4. Doanh nghiệp đầu tư – kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở và doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng: sắt, thép, xi măng, gạch, ngói được gia hạn nộp thuế GTGT hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều này được xác định như sau:

a) Số thuế GTGT được gia hạn là số thuế GTGT phải nộp đối với sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói.

b) Trường hợp doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động kinh doanh thì phải thực hiện kê khai riêng doanh thu, thuế giá trị gia tăng đầu vào, thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói để xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh được gia hạn.

Số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh của tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2013 được gia hạn được xác định như sau:

Số thuế GTGT phải nộp đối với sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói	=	Số thuế GTGT đầu ra của sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói	-	Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói
---	---	---	---	--

Trong đó:

b.1) Số thuế GTGT đầu ra của sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói bằng (=) Tổng số thuế GTGT của sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói bán ra ghi trên hoá đơn GTGT.

Thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn GTGT bằng (=) giá tính thuế nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng (10%).

b.2) Xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói được khấu trừ toàn bộ.

- Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói nếu hạch

toán riêng được thì thuế GTGT đầu vào được khấu trừ được xác định theo số hạch toán riêng. Trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói trên tổng doanh thu chịu thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh và không hạch toán riêng được doanh thu, thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra của sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói và các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác nên không xác định được chính xác số thuế GTGT phải nộp được gia hạn của tháng phát sinh thì số thuế GTGT được gia hạn được xác định như sau:

$$\text{Thuế GTGT được gia hạn} = \frac{\text{Số thuế GTGT phải nộp phát sinh theo Tờ khai của tháng được gia hạn}}{\text{Doanh thu chịu thuế GTGT sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói}} \times \text{Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT}$$

Trong đó:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp phát sinh} = \frac{\text{Tổng số thuế GTGT đầu ra của kỳ tính thuế}}{\text{Tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh của kỳ tính thuế (không bao gồm số thuế GTGT âm kỳ trước chuyển sang)}}$$

c) Chi nhánh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp đầu tư – kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở và doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng: sắt, thép, xi măng, gạch, ngói cũng xác định theo hướng dẫn tại điểm a và điểm b khoản này để xác định số thuế GTGT phải nộp phát sinh đối với sản phẩm là nhà ở, sắt, thép, xi măng, gạch, ngói.

5. Một số hướng dẫn khác

a) Các doanh nghiệp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại Điều này thực hiện kê khai, nộp Tờ khai thuế GTGT tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2013 theo quy định nhưng chưa phải nộp ngay số thuế GTGT phải nộp phát sinh trên Tờ khai thuế GTGT đã kê khai.

- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 1 năm 2013 chậm nhất là ngày 20/8/2013.
- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 2 năm 2013 chậm nhất là ngày 20/9/2013.
- Thời hạn nộp thuế GTGT tháng 3 năm 2013 chậm nhất là ngày 21/10/2013.

b) Doanh nghiệp tự xác định thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT, số thuế GTGT được gia hạn, kê khai vào Phụ lục 2 (ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi cùng Tờ khai thuế GTGT của tháng được gia hạn.

Trường hợp doanh nghiệp đã nộp Tờ khai thuế GTGT tháng 1 năm 2013 nhưng chưa lập Phụ lục 2 nêu trên thì lập và gửi bổ sung cho cơ quan thuế. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, đơn vị không bị xử phạt chậm nộp tiền thuế.

c) Doanh nghiệp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại Điều này nếu đã kê khai, nộp thuế đối với số thuế GTGT phải nộp được gia hạn của tháng 1 năm 2013 thì thực hiện kê khai bổ sung điều chỉnh. Sau khi kê khai điều chỉnh nếu có số thuế nộp thừa được bù trừ vào số thuế GTGT phải nộp của hoạt động khác hoặc số thuế GTGT phải nộp của kỳ tính thuế tiếp theo hoặc đề nghị hoàn thuế theo quy định.

Chương III

TIỀN THUÊ ĐẤT VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 6. Giảm tiền thuê đất

1. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân đang được nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước trả tiền thuê hàng năm (sau đây gọi chung là thuê đất) mà từ 01/03/2011 thuộc diện áp dụng đơn giá thuê đất theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 03 ngày 12 năm 2010 của Chính phủ mà số tiền thuê đất phải nộp tăng hơn 2 lần so với số tiền thuê đất phải nộp năm 2010 thì được giảm 50% số tiền thuê đất phải nộp của năm 2013 và năm 2014 (tính đến ngày 31/12). Trường hợp sau khi được giảm mà số tiền thuê đất phải nộp năm 2013, 2014 vẫn lớn hơn 2 lần số tiền thuê đất phải nộp của năm 2010 thì được tiếp tục giảm đến mức số tiền thuê đất phải nộp năm 2013, 2014 bằng 2 lần số phải nộp của năm 2010.

2. Đối với các trường hợp năm 2013, 2014 được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định khác, nếu số tiền thuê đất phải nộp (sau khi đã trừ số tiền được giảm theo quy định khác đó) vẫn lớn hơn 2 lần số tiền thuê đất phải nộp của năm 2010 thì cũng được giảm 50% số tiền thuê đất phải nộp của 2013, 2014 nếu có đủ hồ sơ theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều này.

Đối với các trường hợp thuộc diện được giảm tiền thuê đất năm 2012 theo Thông tư số 83/2012/TT-BTC ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính cũng được tiếp tục xem xét giảm tiền thuê đất phải nộp của năm 2012 nếu có đủ hồ sơ theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều này.

Đối với các trường hợp sử dụng đất thuê của nhà nước nhưng chưa có đầy đủ các giấy tờ thuê đất theo quy định và số tiền thuê đất phải nộp của đơn vị đang được quan thuế tạm tính theo quy định hiện hành, nếu số tiền thuê đất phải nộp năm 2013, 2014 lớn hơn 2 lần số tiền thuê đất phải nộp của năm 2010 thì được giảm 50% số tiền phải nộp đã được cơ quan thuế tạm tính. Khi đơn vị hoàn tất thủ tục về thuê đất theo quy định thì cơ quan thuế ban hành quyết định giảm thuế, số tiền thuê đất được giảm ghi trên quyết định là số tiền thuê đất đã xác định tạm giảm theo Thông tư này.

3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền giảm tiền thuê đất được thực hiện như sau:

3.1- Các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuộc diện được giảm tiền thuê đất theo Khoản 1, Khoản 2 Điều này phải làm hồ sơ đề nghị xét giảm tiền

thuê đất, thuê mặt nước theo Nghị quyết 02/2012/NQ-CP gửi tới cơ quan quản lý thuế trực tiếp để làm thủ tục xét giảm. Hồ sơ gồm có:

a/ Đơn xin giảm tiền thuê đất của người thuê đất;

b/ Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Giấy tờ hợp thức hoá quyền sử dụng đất

c/ Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

d/ Văn bản xác định số tiền thuê đất phải nộp năm 2010, có xác nhận của cơ quan thuế, trong đó phải có đầy đủ các thông tin về người thuê đất, diện tích đất thuê, đơn giá áp dụng, số tiền thuê đất phải nộp.

3.2- Căn cứ hồ sơ đề nghị xét giảm tiền thuê đất theo Nghị quyết 02/2012/NQ-CP, cơ quan quản lý thuế trực tiếp kiểm tra hồ sơ, lập danh sách và trình UBND cùng cấp phê duyệt; Trên cơ sở đó ban hành quyết định giảm tiền thuê đất theo thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Đối với các trường hợp chưa đủ điều kiện ban hành quyết định giảm thuế (trường hợp có quan thuế tạm tính) thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh số phải nộp của năm 2013, 2014 và ghi rõ trên Thông báo nộp tiền thuê đất.

Trong thời gian đã nộp hồ sơ tới cơ quan thuế mà chưa có ý kiến phê duyệt của UBND cấp tỉnh (đối với các tổ chức kinh tế) và UBND cấp huyện (đối với các hộ gia đình, cá nhân), các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được tạm nộp tiền thuê đất theo mức bằng số tiền thuê đất phải nộp năm 2010.

Điều 7. Tiền sử dụng đất.

1. Đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích xây nhà để bán, kinh doanh kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng theo hình thức nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà chủ đầu tư đã được bàn giao đất để thực hiện nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất thì được nộp tiền sử dụng đất tương ứng với diện tích nhà, đất chuyển nhượng trong thời gian 24 tháng kể từ ngày phải nộp tiền sử dụng đất ghi trên thông báo của cơ quan thuế .

2. Đối với các dự án thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất do chuyển mục đích sử dụng từ nhà ở thương mại, sang nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chủ đầu tư phải thực hiện bù trừ số tiền sử dụng đất được miễn, giảm với các khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác; Số tiền còn lại (sau khi bù trừ) sẽ được ngân sách nhà nước hoàn trả theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 1 năm 2013.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện đúng theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện theo nội dung Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận: ?

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng BCĐ phòng chống tham nhũng trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

GIA HẠN NỘP THUẾ GTGT

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[04] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[05] Số thuế GTGT được gia hạn:.....

Bằng chữ:

.....

[06] Thời gian được gia hạn:

[07] Trường hợp được gia hạn:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động.
- Doanh nghiệp đầu tư – kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở và doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng: sắt, thép, xi măng, gạch, ngói.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai ./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)